

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 24 – 4 - 2026
“*V/v kiện xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Sâm

2. Bà Hoàng Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Phúc – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Quảng Trị.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 101/2026/TLST - HNGĐ ngày 10/3/2026 về việc “*Ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2026/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh ngày: 01/5/1996. CCCD số: 044196008168, cấp ngày 14/8/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH – Bộ Công an.

Nơi đăng ký NKTT: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ cần báo: Nhà số 04, ngõ 79, Kiệt 10, đường B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Chị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/01/1994. Số CCCD: 044094002083.

Nơi đăng ký NKTT: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị. Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam B. Địa chỉ: Xã B, Thành phố Huế. Anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24/02/2026 và nội dung được bổ sung tại bản tự khai - Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 02 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Quảng Trị) theo Trích lục kết hôn số

208/2026/TLKH - BS, ngày 24/02/2026. Chị C và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cách sống của mỗi người khác nhau, thường xuyên cãi vã, anh T không lo làm ăn, có nhiều hành vi vi phạm pháp luật. Từ năm 2023 đến nay, anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại Giam B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Chị C một mình nuôi con, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc và chia sẻ tình cảm với nhau suốt thời gian dài. Mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình, nuôi dạy con tốt nhưng vẫn không giải quyết được, mâu thuẫn ngày trầm trọng. Nay chị C mong muốn Toà án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị C trình bày quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là: Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 09/02/2016. Hiện nay con chung đang ở cùng chị C, sau ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia H. Chị C không yêu cầu anh Nguyễn Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Ý kiến của anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Tại Biên bản lấy lời khai do Trại giam B lập ngày 28/3/2026 đối với anh Nguyễn Văn T có nội dung: Anh T thừa nhận thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như chị Nguyễn Thị C trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T khai “*Sau khi kết hôn không xảy ra mâu thuẫn. Sau khi bị bắt thì tình cảm ngày càng rạn nứt, chị C chưa từng thăm anh từ khi bị bắt đến nay. Ngày 16/9/2023 anh đi thi hành án phạt phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Thời hạn chấp hành án phạt tù là 5 năm*”.

Về quan hệ con chung, anh T khai nhận “*Chị C trình bày về quan hệ con chung là đúng. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia H (sinh năm 2016). Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị C nuôi dưỡng, anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con do đang chấp hành án*”.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, anh T khai: “*Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đề nghị Tòa án yêu cầu chị C và gia đình không ngăn cản, cản trở việc gia đình đến đón, thăm con chung là cháu Nguyễn Gia H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị ban hành thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập, tiến hành triệu tập các bên đương sự đến lấy lời khai, tiến hành phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Chị C trực tiếp đến Tòa án theo Giấy triệu tập và đã có bản tự khai trình bày ý kiến của mình. Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp đến Tòa án làm việc nhưng đã có trình bày ý kiến thông

qua Biên bản lấy lời khai được lập tại Trại Giam B. Đồng thời, anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 09/02/2016 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Cúc chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Nguyễn Văn T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị đã ban hành thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án. Chị C đã đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T không trực tiếp đến Tòa án làm việc nhưng đã có trình bày ý kiến thông qua Biên bản lấy lời khai được lập tại Trại Giam B. Đồng thời, anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (*nay là: Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Quảng Trị*) theo Trích lục kết hôn số 208/2026/TLKH - BS, ngày 24/02/2026. Việc kết hôn của anh, chị trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Anh chị đã có thời gian khá dài chung sống hạnh phúc; lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng, tin tưởng nhau cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại anh chị không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, cuộc sống chung vợ chồng trong nhiều năm gần đây luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng.

Quá trình tham gia tố tụng, chị C thừa nhận nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cách sống của mỗi người khác nhau, thường xuyên cãi vã, anh T không lo làm ăn; anh T đã có nhiều hành vi vi phạm pháp luật. Từ năm 2023 đến nay, anh Tuấn đang chấp hành án phạt tù tại Trại Giam B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Chị C một mình nuôi con, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc và chia sẻ tình cảm với nhau suốt thời gian dài. Mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình, nuôi dạy con tốt nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được, mâu thuẫn ngày trầm trọng. Do đó, chị C yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T không trực tiếp đến Tòa án làm việc nhưng đã có trình bày ý kiến thông qua Biên bản lấy lời khai được lập tại Trại Giam B, thừa nhận quá trình tìm hiểu, kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung...như chị C trình bày, đồng thời thừa nhận hiện nay tình cảm vợ chồng đã hết, không còn thương yêu nhau, nên anh T đồng ý ly hôn chị C.

Từ phân tích, đánh giá, nhận định toàn diện những trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng điều đó thể hiện mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị C và anh T đã quá trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung không tồn tại, niềm tin hôn nhân không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án ghi nhận, quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T có một con chung là: Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 09/02/2016. Hiện nay con chung đang ở cùng chị C. Chị C có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia H, cháu Nguyễn Gia H có nguyện vọng ở với mẹ. Chị C không yêu cầu anh Nguyễn Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Căn cứ thực tế việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị C về việc sau khi ly hôn giao con chung là Nguyễn Gia H cho chị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật, đúng theo nguyện vọng của con và anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị C có đơn trình bày về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tại Biên bản lấy lời khai do Trại giam B lập ngày 28/3/2026, anh Nguyễn Văn T trình bày: *“Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị C nuôi dưỡng, anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con do đang chấp hành án”*. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn T đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm Chị C phải chịu án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là: Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 09/02/2016 cho đến khi con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Không ai có quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trong trường hợp cần thiết vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng đối với con chung theo quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Số tiền chị Nguyễn Thị C phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai số 0000937 ngày 10 tháng 3 năm 2026. Chị C đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV1;
- TAND Tỉnh Quảng Trị;
- T.H.A D.S tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Quảng Trị
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Phú Quảng

